TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH** **Số: 91/2020/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *K, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Như Q, sinh năm 1996; ĐKHKTT và trú tại: xóm 6, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1995; ĐKHKTT và trú tại: xóm N, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị Như Q và anh Trương Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trương Quỳnh C, sinh ngày 10/6/2018. Anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Q mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 6/2020 đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung

- Về án phí: Chị Phan Thị Như Q nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2348 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh